TÂM SẮC GIỚI và Tâm Vô Sắc Giới (Giác Chánh)

TÂM SẮC GIỚI

Rūpavacaracitta

Là những tâm thuộc về lảnh vực sắc (sắc tế và không nghiêng nặng về lảnh vực cảnh như tâm dục giới). Theo sớ giải, sở dĩ chúng được gọi là tâm sắc giới vì 3 ý nghĩa sau:
Gọi là tâm sắc giới vì tâm này lấy sắc pháp làm đề mục để tu thiền quán (Kammatthāna = tu thiền sắc giới).
Gọi là tâm sắc giới vì những tâm thiện tu thiền sẽ có kết quả sanh về cõi sắc giới làm người sắc giới.
Gọi là tâm sắc giới vì quả thành tựu của thiền sắc giới là cõi sắc giới. Sắc pháp ở đây là sắc tế chớ không phải thô thiển như ở cõi dục giới.

I. Tâm Thiền Thiện Sắc Giới (Kusalarūpavacaracitta):
Là tâm lành, lấy sắc pháp làm đề mục để tu thiền định. Có tác năng tạo quả tục sinh trong cõi sắc giới.
1.1) Pháp Tu Thiền Chỉ (Sammādhi Bhāvanā): Thiền (Jhāna) thường được gọi là Thiền Định, là trạng thái tâm chuyên chú vào một đối tượng hay còn gọi là đề mục (Định=Ekaggatā). Sự định tâm, chuyên chú này có tác dụng thiêu đốt các nghịch pháp phiền não (Tapo).
Ta có thể nói Thiền hay thiêu đốt pháp nghịch là cái *dụng* của Định và Định hay sự chú tâm là cái *the*å của Thiền.
Đồng sanh với tâm thiền có nhiều tâm sở (Cetasika) nhưng có 5 tâm sở được xem là quan trọng nhất vì chúng có khả năng đối trị, thiêu đốt các nghịch pháp. Năm chi pháp ấy là:

Tầm (Vitakka): là sự hướng tâm đến cảnh; đưa đến và quy tụ trên đối tượng. Có tác dụng diệt trừ hôn trầm (Thīna) và thụy miên (Middha) là trạng thái buồn ngủ, dã dượi của tâm.

Tứ (Vicāra): là sự quan sát, dán áp tâm lên đối tượng. Tâm này diệt trừ và đè nén được hoài nghi (Vicikicchā) là một trạng thái lưởng lự phân vân.

Hỷ (Pīti): còn gọi là phỉ lạc là trạng thái no vui với đối tượng, hoan hỷ, sung sướng, giống như sự vui mừng của một người đang khát mà gặp được nước. Do sự no vui này, nó có thể đoạn diệt, chế ngự được sự sân ưu (Vyāpāda) là một trạng thái buồn bực khó chịu.

Lạc (Sukha): là trạng thái sung sướng do hưởng cảnh, như một người khát khi uống được hớp nước đầu tiên. Tâm này trừ diệt trạng thái phóng dật (Uddhacca) một trạng thái tán loạn, lao chao.

Định (Ekaggatā): Còn gọi là Nhất Hành. Là trạng thái chú tâm vào đối tượng. Tâm này áp đão được sự tham dục (Kāmacchanda) một trạng thái ái nhiễm, vọng mống.

1.2) Đề mục thiền chỉ (Kammatthāna): có tất cả 40 đề mục gồm cả thiền sắc giới và thiền vô sắc giới. Riêng về sắc giới có tất cả 36 đề mục.

10 Đề mục Hoàn Tịnh (Kasiṇa): Đất (Patthavī) – Nước (Āpo) – Lửa (Tejo) – Gió (Vāyo) – Màu Xanh (Nīla) – Màu Đỏ (Lohita) – Màu Vàng (Pīla) – Màu trắng (Odāta) – Hư Không (Ākāsa) – Ánh Sáng (Arābha).

10 Đề mục Bất Tịnh (Asubha): Tử thi sình (Uddhumutaka) – Tử thi đổi màu sắc (Vinilaka) – Tử thi rả ra chảy nước mủ (Vipubbaka) – Tử thi bị đứt đoạn (Vicchiddika) – Tử thi bị đục khoét (Vikkhayitaka) – Tử thi văng rời ra từng mảnh nhỏ (Vikkhiṭṭaka) – Tử thi bị rả ra

từng miếng (Hatavikkhitakaṃ) – Tử thi đẫm máu (Lohitaka) – Tử thi bị vòi đụt khoét (Pulavaka) – Tử thi chỉ còn bộ xương (Aṭṭhikaṃ Hài cốt).

10 Đề mục tùy niệm (Anussati): Niệm Phật (Buddhānussati) – Niệm Pháp (Dhammānussati) – Niệm Tăng (Sanhānussati) – Niệm Thí (Cāgānussati) – Niệm Giới (Sīlānussati) – Niệm Sự Chết (Maranānussati) – Niệm Hơi Thở (Ānāpānasati) – Niệm Chư Thiên (Devānussati) – Niệm Niết Bàn (Nibbānānussati hay Upasamāsati) – Niệm Thân (Kāyānussati).

4 Đề mục Tứ Vô Lượng Tâm (Brahmāvihāra): Từ (Mettā) – Bi (Karunā) – Hỷ (Muditā) – Xã (Upekkhā).

1 Đề mục Tưởng (Sāññā): Tưởng về sự ô trược của vật thực (Āhāro patikkulasāññā).

1 Đề mục Phân Biệt (Vatthāna): Phân biệt về thể tánh của Tứ Đại (Catudhātuva vatthāna).

1.3) Phương thức hành thiền (Bhāvanā):

Trong quá trình hành thiền chỉ, ta có thể phân làm hai giai đoạn:

(i) Giai đoạn luyện tập:

a) Đối với những đề mục hoàn tịnh:

Là đề mục hành thiền bằng sắc pháp, hành giả trụ tâm trên những đề mục ấy cho đến khi đề mục chỉ còn là một ấn tượng của tư tưởng mà thôi. Với 10 đề mục Kasina hành giả có thể đắc từ sơ thiền đến ngũ thiền.

Hành giả dùng đất tạo thành 1 hình tròn đường kính khoảng một gang tay (vật ấy gọi là sơ tướng – Parikamma Nimitta), để cách xa độ một thước rồi nhìn chăm chú vào đó mà niệm cho đến khi nhắm mắt mà vẫn có thể thấy hình tròn đó hiện ra (hình tròn đó được gọi là thô tướng – Ugogaha Nimitta), hình này còn thô sơ và còn những dấu vết dọc ngang của đối tượng trét đất trước. Hành giả tiếp tục nhắm mắt và

chuyên chú định tâm quán sát thô tướng này cho đến khi nó trở thành một vòng tròn sáng không một tì vết nào cả (vòng tròn sáng này được gọi là quang tướng – Pātibhāga Nimitta), *quang tướng này không có thực mà chỉ hình thành do sự tưởng tượng của hành giả* mà thôi. Hành giả lại tiếp tục định tâm quan sát quang tướng đó cho đến khi chứng được đệ nhất thiền (Pathamajjhāga). Khi chứng được sơ thiền thì diệt trừ được 5 triền cái (Nīvarana): ái dục (Kāmacchanda), sân (Vyāpāda), hôn trầm thụy miên (Thīna-middha), phóng dật (Uddhacca-kukkucca) và hoài nghi (Vicikicchā). Đó là nếu hành giả dùng đề mục đất làm đối tượng. Nếu hành giả dùng đề mục nước làm đối tượng thì đựng nước trong một vật tròn có đường kính độ một gang tay rồi định tâm quán sát như đã mô tả phía trên. Đối với đề mục lửa, thì tạo một vòng lửa đường kính khoảng một gang tay, ..., nếu dùng đề mục gió thì chú tâm vào sự lay động của cây cỏ, ..., còn các đề mục về màu sắc thì dùng vật có kích thước như đề mục đất rồi sơn màu vào (hay dùng vật có màu sẵn cũng được nhưng phải cùng một kích thước đã nói trên). Đề mục hư không thì khoét lỗ trống vào vách với đường kính độ một gang tay, rồi ngồi cách xa một thước và chăm chú định tâm vào đó để quan sát. Đề mục ánh sáng thì chăm chú nhìn vào các nguồn sáng như mặt trời, mặt trăng, ánh đèn, ... qua một vòng trống có đường kính độ một gang tay. (chú ý: hai đề mục ánh sáng và hư không được ghi nhận là không có trong kinh điển chánh thức).

b) Đối với những đề mục bất tịnh:

Tức là niệm về tử thi. Hành giả đi đến chỗ có tử thi, nhìn kỷ, nhớ rõ, rồi trở về chỗ hành thiền. Hành giả nhắm mắt, định tâm quan sát hình ảnh mà mình đã ghi nhận. Hành giả

định tâm hình dung tử thi ấy mải cho đến khi đề mục trở thành một ấn tượng thuần túy của tâm. Đề mục tử thi có khả năng giúp hành giả đối trị lòng tham ái sắc dục và có khả năng giúp hành giả chứng đắc sơ thiền.

c) Đối với những đề mục tùy niệm (hay suy niệm):

Khi niệm các đề mục Phật – Pháp – Tăng thì hành giả chuyên chú suy niệm đến ân đức của Tam bảo. Khi niệm các đề mục Thí, Giới, Chư thiên, Niết bàn thì hành giả chuyên chú suy niệm về đặc tánh của những thể trạng ấy như đặc tánh tịch tịnh của Niết bàn, ... khi niệm về sự chết thì hành giả suy niệm về bản chất vô thường của đời sống: một ngày kia rồi sẽ bị hoại diệt. Khi niệm thân thì hành giả ngồi kiết già hay bán già, chuyên chú hướng tâm vào hơi thở. Khi hít vào và thở ra thì đếm 1, rồi 2, ..., cho đến 10 thì bắt đầu lại từ 1. Trong khi hành thiền nếu vì bị phóng tâm mà không biết mình đã đếm được tới đâu thì cứ bắt đầu lại từ 1. Trong 10 đề mục của Anussati, ngoại trừ hai đề mục niệm thân và sổ tức, tám đề mục còn lại chỉ có khả năng đưa hành giả đến cận định mà thôi. Đối với đề mục về Tứ Vô Lượng Tâm thì hành giả cố gắng trau dồi tâm từ (lòng mát mẻ), tâm bi (lòng thương xót), tâm hỷ (tùy hỷ, lòng hân hoan đối với hạnh phúc của tha nhân) và tâm xã (lòng quân bình, giữ tâm không bị thiên lệch, giao động trước ngoại cảnh.

Chú ý: tâm xã không phải là sự lạnh nhạt, thờ ơ hay dửng dưng trước đối tượng). Trong tứ vô lượng tâm, trừ đề mục Xã, ba đề mục còn lại có khả năng giúp hành giả chứng từ sơ thiền đến tứ thiền.

d) Đối với những đề mục tưởng về sự ô trược của vật thực:

Hành giả chú tâm suy niệm đến bản chất ô trược trong sự phát sinh vật thực, sự ô trược trong lúc dùng vật thực, sự ô

trược lúc tiêu hóa vật thực, ... Hành giả nghĩ nhớ đến đề mục cho thật kỹ, từng chi tiết để tâm phát sinh sự chán nản các pháp hữu vi, xa lìa sự đắm nhiễm ngũ trần. Đề mục này, trong thiền chỉ, có thể đưa hành giả đến cận định, nhưng trong thiền quán nó giúp hành giả phát triển tuệ nhàm chán Danh Sắc.

e) Đối với đề mục phân biệt về tứ đại:

Hành giả chú tâm ghi nhận, phân tích từng đặc tánh, bản chất, tình trạng của tứ đại như sự cứng, mềm của đất, sự tan ra, quến lại của nước, sự nóng, lạnh của lửa, sự di động và căng phồng của gió. Đề mục này có khả năng giúp hành giả đạt đến cận định trong thiền chỉ và phát tuệ Danh Sắc trong thiền quán.

(ii) Giai đoạn thành tựu và chứng đắc:

Khi hành giả sử dụng một trong những đề mục kể trên làm đối tượng tu tập thí dụ đề mục đất chẳng hạn, hành giả gom tâm chuyên chú niệm Pathavi, Pathavi, Pathavi, ... hay Đất à, Đất à, Đất à, ... sự thầm niệm ấy sẽ giúp hành giả gom tâm khắn khít vào đề mục. Niệm như thế ít lâu, tùy theo căn duyên, hành giả sẽ đạt đến mực độ tâm chuyên chú, khắn khít với đề mục. Khi đó, lúc nhắm mắt hành giả vẫn có thể hình dung được đề mục sơ khởi (hay sơ tướng – Parikamma). Khi ấy đề mục không còn cụ thể nữa mà là một đối tượng trừu tượng được tạo nên bởi tâm chuyên chú của hành giả. Đối tượng này gọi là đề mục hình dung (cũng gọi là thô tướng – Ugogahanimitta) và vẫn còn mang những tỳ vết, dấu tích của đối tượng trong đề mục sơ khởi. Rồi hành giả gom tâm chăm chú vào đề mục hình dung cho đến khi đề mục này phát triển và tạo ra một đối tượng khái niệm mới, đối tượng này là một hình ảnh trong sáng, không có một tỳ vết nào cả. Đối tượng này cũng là một hình ảnh trừu tượng trong khái niệm của hành giả. Hành giả chỉ thấy một vòng tròn sáng

chứ không rõ rệt các đường nét như ở đề mục sơ khởi hay đề mục hình dung vì thế đề mục ở đây còn gọi là quang tướng. Đến giai đoạn này là hành giả đã đạt được giai đoạn cận định và 5 triền cái được tạm thời khắc phục.
Ở giai đoạn này, có thể bất ngờ vào một thời điểm nào đó, hành giả nhập định và chứng đắc sơ thiền. Tâm này chỉ tồn tại trong một lộ tâm rồi trở lại trạng thái tâm hộ kiếp. Và nếu đủ tinh tấn, hành giả sẽ phát triển thêm để chứng đắc các từng thiền kế cho đến khi đắc ngũ thiền.
Khi hành giả đã thành tựu các tâm thiền, hành giả có thể chứng nghiệm và an trú vào một trạng thái mà thông thường gọi là nhập thiền, một tình trạng vô số tâm thiền sanh khởi liên tục trong một thời gian dài, chúng có thể kéo dài liên tục cả ngày.
Tâm Thiện Sắc Giới gồm 5 loại:
1) Tâm Thiền Thiện Sơ Thiền Sắc Giới: là tâm thiền gồm đủ cả 5 chi thiền: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Định. Tâm sơ thiền sắc giới có thể thành tựu do tu một trong 25 đề mục sau:

10 đề mục hoàn tịnh.
10 đề mục bất tịnh.
01 đề mục suy niệm về thể trược.
01 đề mục niệm sổ tức quan.
03 đề mục vô lượng tâm (Từ, Bi, Hỷ).

2) Tâm Thiền Thiện Nhị Thiền Sắc Giới: là tâm thiền gồm có 4 chi thiền: Tứ, Hỷ, Lạc và Định. Tâm nhị thiền sắc giới có thể thành tựu khi hành giả tu tập một trong 14 đề mục sau:

10 đề mục hoàn tịnh.
03 đề mục vô lượng tâm.
01 đề mục niệm sổ tức quan.

Với đề mục bất tịnh hành giả không thể chứng được tâm thiền cao hơn sơ thiền.
3) Tâm Thiền Thiện Tam Thiền Sắc Giới: là tâm thiền chỉ gồm 3

chi thiền: Hỷ, Lạc và Định. Đề mục tu tập để chứng đắc tam thiền cũng giống như nhị thiền.
4) Tâm Thiền Thiện Tứ Thiền Sắc Giới: là tâm thiền chỉ gồm có hai chi thiền: Lạc và Định. Đề mục tu tập để chứng nhập ở đây cũng giống như ở nhị thiền.
5) Tâm Thiền Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới: là tâm thiền chỉ có 2 chi thiền: Xã và Định (vì tâm ngũ thiền là tâm thiền sắp đạt đến tâm định vi tế nên không còn chi lạc thô thiển nửa mà thay vào bằng thọ xã).
Vì thể trạng tinh tế nên tâm ngũ thiền không thể nương vào đề mục Từ, Bi, Hỷ vô lượng tâm được. Thay vào đó là tâm Xã vô lượng tâm. Như vậy tâm ngũ thiền chỉ thành tựu với 12 đề mục:

10 đề mục hoàn tịnh.
01 đề mục niệm sổ tức quan.
01 đề mục Xã vô lượng tâm.

Tâm Thiền Thiện Sắc Giới

II.Tâm Thiền Quả Sắc Giới (Vipācarūpavacaracitta):

Là tâm thành tựu do tâm thiện sắc giới. Những tâm này là những điều kiện tất yếu để tạo một đời sống mới (tục sinh) cho những hành giả đắc thiền sanh làm những vị Phạm Thiên trong cõi sắc giới.
Tương ưng với tâm thiện sắc giới, tâm quả sắc giới cũng gồm có 5 tâm, chúng làm công tác tục sinh, hộ kiếp và tử cho các thiền gia:

1) Tâm Thiền Quả Sơ Thiền và Tâm Quả Nhị Thiền cõi sắc giới: chúng làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên cõi sơ thiền.
2) Tâm Thiền Quả Tam Thiền sắc giới: làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên cõi nhị thiền.

3) Tâm Thiền Quả Tứ Thiền sắc giới: làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên cõi tam thiền.

4) Tâm Thiền Quả Ngũ Thiền sắc giới: làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên cõi tứ thiền.

Ở tạng kinh chỉ có 4 bậc thiền mà thôi, nhưng trong tạng diệu pháp lại nói đến 5 bậc vì sơ thiền trong tạng diệu pháp được phân ra làm hai là sơ thiền có tầm và sơ thiền không có tầm. Riêng về cõi thọ sanh thì cũng chỉ có 4 bậc mà thôi.

Để cho các tâm quả thiền làm sanh báo nghiệp, người chứng được thiền định phải giữ gìn thiền định cho đến giờ phút lâm chung.

Tâm Thiền Quả Sắc Giới

III. Tâm Thiền Duy Tác Sắc Giới

Là những tâm thiền sanh nơi cơ tánh của vị A-La-Hán. Những tâm này có những trạng thái cũng như cách luyện thiền giống như tâm thiện, chỉ khác là những tâm này không tạo quả dị thục như những tâm thiện.

Các vị A-La-Hán tu luyện những tâm thiện này là để dùng nó làm nền tảng mà nhập thiền Diệt Thọ Tưởng Định chứ không phải vì lòng tham ái. Do đó, những tâm thiền này còn được gọi là thiền cơ (cơ = nền tảng).

Tâm Duy Tác Sắc Giới cũng được chia làm 5 như tâm thiện sắc giới.

Tâm Thiền Duy Tác Sắc Giới

-ooOoo-

TÂM VÔ SẮC GIỚI

Arūpavacaracitta

Tâm vô sắc giới là tâm thuộc về lãnh vực vô sắc, vì tâm này vượt ra ngoài phạm vi sắc pháp nghĩa là đối tượng của những tâm này thuộc về phạm vi tâm pháp và chế định. Những tâm vô sắc cũng là những tâm thiền như tâm sắc giới, nhưng trạng thái những tâm này cao hơn và mạnh hơn.
Cần chú ý là những tâm vô sắc nầy đều có trạng thái cũng như chi thiền giống với tâm ngũ thiền sắc giới và khi tính về thứ bậc thì nó thường được tính chung với tâm ngũ thiền sắc giới. Tâm thiền vô sắc giới được phân làm ba loại: tâm thiện vô sắc giới, tâm quả vô sắc giới và tâm duy tác vô sắc giới.

I. Tâm Thiện Vô Sắc Giới:

Là tâm có kết quả sanh làm người cõi vô sắc. Những tâm nầy là những tâm thiền mà đối tượng là các đề mục suy diễn chứ không nương vào các đề mục sơ tướng bằng sắc pháp như những tâm sắc giới.
Những tâm thiền vô sắc là những tâm thiền chứng đắc sanh khởi nơi phàm tam nhân và thánh quả hữu học.
Tâm thiện vô sắc giới được chia làm 4 loại:

1.1) Tâm Thiện Không Vô Biên:

Là tâm thiền vô sắc thành tựu chứng đắc với đối tượng "**hư không là vô biên**".
Khi hành giả tu thiền sắc giới đã thuần thục, nếu vị nầy có đủ túc duyên, có tâm nhàm chán, xã ly sắc pháp với ý nguyện đạt đến bậc thiền vô sắc cao hơn thì vị nầy gom tâm định trên đề mục quang tướng thành tựu do thiền sắc giới.
Khi chăm chú vào đề mục quang tướng ấy, thời một điểm sáng nhỏ như ánh sáng đom đóm sẽ xuất hiện từ đối tượng ấy. Khi ấy hành giả tập trung tư tưởng, muốn ánh sáng ấy lan tràn ra khắp hư không. Hành giả chú tâm như vậy cho đến lúc điểm sáng ấy chiếu diệu hòa đồng, chiếu khắp cả hư không. Hành giả cần nhớ là sự chiếu rọi hư vô vô biên đó chỉ là do sự tưởng tượng mà ra

và được gọi là Kasiṇagghatimākāsā (hư không phát xuất từ đề mục hoàn tịnh).
Từ đó, hành giả lấy đó làm đối tượng và niệm rằng " Ākāsa Ananto ... Ākāsa Ananto ... Ākāsa Ananto ... = hư không không bờ mé ... hư không không bờ mé ...". Suy niệm như vậy cho đến lúc hành giả định tâm hoàn toàn vào đề mục ấy, tức là đã chứng và trú tâm thiền này. Nếu muốn và đủ nghị lực, hành giả có thể luyện lên bậc thiền cao hơn. Nếu không, khi mệnh chung, hành giả sẽ sanh về cõi vô sắc giới thuộc cõi không vô biên.

1.2) Tâm Thiện Thức Vô Biên:

Là tâm thiền vô sắc khi tu thiền lấy đề mục "**thức là vô biên**" làm đối tượng.
Sau khi đã chứng trú thiền không vô biên, hành giả khởi một suy niệm khác, suy niệm này phủ nhận quan niệm "hư không là vô biên" (có thể nói đây là śuy niệm xét lại" so với suy niệm củ ở bậc thiền trước), hành giả chăm chú suy niệm rằng "Viññāṇaṃ ananto ... Viññāṇaṃ ananto ... Viññāṇaṃ ananto ... = thức là vô biên ... thức là vô biên ..." cho đến khi được hoàn toàn định tâm vào đề mục là hành giả đã chứng trú bậc thiền Thức (tâm) vô biên xứ.
(Thức vô biên xứ là tâm thiền xét lại tâm không vô biên; - hành giả bắt cảnh quá khứ, cảnh nội phần, vì xét lại tâm của chính mình đã chứng là lấy tâm không vô biên làm đối tượng, - hành giả bắt cảnh chơn đế vì bắt cảnh thức là vô biên. – thức ở đây chính là tâm – ở tâm không vô biên hành giả nghĩ rằng hư không không có bờ mé, còn ở thức vô biên hành giả lại nghĩ chính tâm là không bờ mé).
Khi đã chứng được thiền thức vô biên, nếu muốn và đủ định lực hành giả có thể tiếp tục sang bậc thiền khác, nếu không, sau khi thọ nghiệp đã mản, hành giả sẽ được sanh vào từng thiền vô sắc, cõi thức vô biên.

1.3) Tâm Thiện Vô Sở Hữu:
Là tâm thiền tu và chứng đắc với đề mục "**Vô Sở Hữu**" làm đối tượng.
Sau khi đã chứng đắc thiền thức vô biên, hành giả khởi ý niệm "không có chi" làm đề mục, ý niệm này do tâm tạo ra chứ không phải chơn đế. Hành giả chu tâm suy niệm Ṅatthi kiñci ... Natthi kiñci ... Natthi kiñci ... = Không có chi ... không có chi" cho đến khi chứng trú và định tâm chuyên chú vào đề mục này. Khi đã chứng được bậc thiền này, nếu hành giả không tiến lên trạng thái cao hơn được thì lúc mệnh chung sẽ được sanh vào từng vô sắc, cõi vô sở hữu. (tâm thiền này cũng có tính cách phủ nhận nhưng không xét lại tâm thiền củ).
Chữ Akiññāyatama được dịch là vô sở hữu xứ nghe không được ổn vì vô sở hữu có nghĩa là không có chi là của mình trong khi đúng nghĩa tiếng Pali có nghĩa là không có chi nên phải dịch là vô hữu xứ thì đúng hơn.
1.4) Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng:
Là tâm thiền vô sắc được tu chứng với đề mục "**chẳng phải tưởng, chẳng phải không có tưởng**".
Khi hành giả đã chứng đắc vô hữu xứ, hành giả quán xét lại tâm vô hữu xứ với quan niệm "phải, đúng là không có chi (hành giả nhìn nhận nó), nhưng hành giả ý thức rằng sự nhận thức không có chi tức là cũng có vậy". Do đó, hành giả suy niệm rằng: "*Satametaṃ panitametaṃ ... Satametaṃ panitametaṃ* ... pháp ấy tế nhị, vi tế lắm (nghĩa là xét lại chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng)".
Hành giả suy niệm như vậy cho đến khi tâm an trụ trên đối tượng suy diễn tức là được chứng đắc thiền phi tưởng phi phi tưởng.
Chú ý: Tâm phi tưởng phi phi tưởng xét lại tâm vô hữu xứ (cảnh quá khứ) của chính mình đã đắc (cảnh nội phần); lấy tâm vô hữu

xứ làm đối tượng (cảnh chơn đế), nhưng với quan niệm "xét lại" (chẳng phải tưởng, chẳng phải không có tưởng). Trái lại với tâm hữu xứ với quan niệm "cố quyết" là không có chi.
Người thành tựu tâm thiện này sau khi tạ thế sẽ được sanh vào lảnh vực vô sắc, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng.
Tâm thiện thiền phi tưởng phi phi tưởng là bậc thiền cuối cùng của thiền vô sắc và cũng là bậc thiền cao nhất trong các tâm thiền hợp thế.
Ghi chú: trong khi các tâm thiền sắc giới được phân biệt bởi các sở hữu tâm (Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định và Xã) thì các tâm thiền vô sắc giới được phân biệt bởi các đề mục thiền định. Thiền sắc giới được định danh bởi thứ bậc cao thấp còn thiền vô sắc giới được định danh bởi các đề mục quán tưởng trong khi tu luyện tuy rằng cũng có sự cao thấp giữa các bậc thiền.

Tâm Thiện Vô Sắc Giới

II. Tâm Quả Vô Sắc Giới

Là tâm thành tựu do tâm thiện vô sắc giới. Giống như tâm quả sắc giới, tâm quả vô sắc giới làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp và tâm tử cho người vô sắc. Tương ưng với tâm thiện vô sắc, tâm quả cũng được chia làm 4 tâm.

Tâm Quả Vô Sắc

III. Tâm Duy Tác Vô Sắc:

Là tâm thiền vô sắc được tu luyện bởi bậc tứ quả. Những tâm nầy chỉ có nơi vị A-La-Hán và không có tác năng tạo quả. Sở dĩ các vị A-La-Hán luyện thiền này vì dùng nó làm nền tảng, điều kiện để tiến nhập thiền Diệt (Nirodha Jhāna) chứ không vì do vô minh, tham ái, ... Tâm duy tác vô sắc cũng được phân làm 4 tâm thiền.

Tâm Duy Tác Vô Sắc

-ooOoo-